

Số: 4705 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc
trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Quyết định số 1051-QĐ/TU ngày 25 ngày 8 tháng 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương năm 2024; Kết luận số 295-KL/TU ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 59;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 771/TTr-SNV ngày 14 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 cho các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

1. Tổng số biên chế công chức: 2.162 biên chế.

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 25.397 người. Trong đó:

- Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.603 người;
- Các đơn vị sự nghiệp y tế: 3.296 người;
- Các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 585 người;
- Các đơn vị sự nghiệp khác: 913 người.

(Số lượng biên chế giao cụ thể cho các cơ quan, địa phương theo Phụ lục I, II đính kèm Quyết định này).

3. Số lượng người làm việc giao tại khoản 2, Điều 1 không bao gồm 310 biên chế giáo viên đã bổ sung cho sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập từ năm học 2022 - 2023 theo Quyết định số 60-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022

của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bình Định được bổ sung cho giai đoạn 2022 - 2026 (theo Phụ lục III đính kèm).

4. Giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Sở Y tế năm 2024 là 872 người (gồm năm 2023: 362 người, năm 2024: 510 người).

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý, sử dụng số biên chế công chức, số lượng người làm việc được giao tại Điều 1 Quyết định này bảo đảm theo đúng quy định.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp các tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm hoàn thành mục tiêu theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xây dựng kế hoạch quản lý; sử dụng biên chế giai đoạn 2024 - 2026 và kế hoạch sử dụng biên chế từng năm.

b) Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, của pháp luật về vị trí việc làm, quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc; tỷ lệ biên chế chia theo từng nhóm vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với tinh giản biên chế theo giai đoạn. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp với sử dụng và quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc.

c) Rà soát, trình phê duyệt hoặc phê duyệt Đề án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhằm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.



CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn

Phụ lục I
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, địa phương	Biên chế công chức	Ghi chú
I	CẤP TỈNH	1.240	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	39	
2	Văn phòng UBND tỉnh	55	
3	Sở Nội vụ	65	
4	Sở Ngoại vụ	20	
5	Sở Tài chính	60	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	38	
7	Sở Thông tin và Truyền thông	25	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	331	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	67	
10	Sở Y tế	65	
11	Sở Tư pháp	29	
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	46	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	
14	Sở Xây dựng	58	
15	Sở Giao thông vận tải	56	
16	Sở Công Thương	43	
17	Thanh tra tỉnh	40	
18	Sở Văn hóa và Thể thao	32	
19	Sở Du lịch	22	
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	
21	Ban Dân tộc	16	
22	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	46	

STT	Cơ quan, địa phương	Biên chế công chức	Ghi chú
II	CẤP HUYỆN	922	
1	Thành phố Quy Nhơn	135	
2	Thị xã Hoài Nhơn	86	
3	Thị Xã An Nhơn	83	
4	Huyện Tuy Phước	82	
5	Huyện Phù Cát	79	
6	Huyện Phù Mỹ	79	
7	Huyện Tây Sơn	78	
8	Huyện Hoài Ân	78	
9	Huyện An Lão	74	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	74	
11	Huyện Vân Canh	74	
	TỔNG CỘNG	2.162	

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Chia ra				Ghi chú
			Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
I	CẤP TỈNH	7.584	3.389	3.296	354	545	
1	Văn phòng UBND tỉnh	15				15	
2	Sở Nội vụ	15				15	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	57				57	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	17				17	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	145				145	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	32				32	
7	Sở Y tế	3.296		3.296			
8	Sở Tư pháp	23				23	
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	108				108	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	28				28	
11	Sở Công Thương	16				16	
12	Sở Văn hóa và Thể thao	238			238		
13	Sở Du lịch	11				11	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.131	3.131				
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	22				22	
16	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	24				24	
17	Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	116			116		
18	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	178	178				
19	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	80	80				
20	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	5				5	
21	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh	5				5	
22	Sự nghiệp thuộc khối đảng, đoàn thể	16				16	
23	Quỹ Phát triển khoa học công nghệ tỉnh	5				5	
24	Ban Quản lý Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	1				1	

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Chia ra				Ghi chú
			Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
II	CẤP HUYỆN	17.813	17.214	0	231	368	
1	Thành phố Quy Nhơn	2.505	2.380		33	92	
2	Thị xã Hoài Nhơn	2.279	2222		22	35	
3	Thị xã An Nhơn	1.918	1.872		20	26	
4	Huyện Tuy Phước	2.014	1975		20	19	
5	Huyện Phù Cát	2.351	2.302		20	29	
6	Huyện Phù Mỹ	2.117	2069		20	28	
7	Huyện Tây Sơn	1.645	1592		20	33	
8	Huyện Hoài Ân	1.175	1.131		19	25	
9	Huyện An Lão	640	589		21	30	
10	Huyện Vân Canh	537	496		17	24	
11	Huyện Vĩnh Thạnh	632	586		19	27	
	TỔNG CỘNG	25.397	20.603	3.296	585	913	

Phụ lục III
BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN ĐÃ BỔ SUNG CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON VÀ PHỔ
THÔNG CÔNG LẬP TỪ NĂM HỌC 2022 - 2023 (CỦA GIAI ĐOẠN 2022-2026)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, địa phương	Biên chế giáo viên đã bổ sung của giai đoạn 2022-2026	Ghi chú
1	2	3	4
I	Thành phố Quy Nhơn	61	
1	Các trường trung học cơ sở	5	
2	Các trường tiểu học	26	
3	Các trường mầm non	30	
II	Thị xã An Nhơn	35	
1	Các trường trung học cơ sở	7	
2	Các trường tiểu học	12	
3	Các trường mầm non	16	
III	Thị xã Hoài Nhơn	61	
1	Các trường trung học cơ sở	15	
2	Các trường tiểu học	26	
3	Các trường mầm non	20	
IV	Huyện Tuy Phước	15	
	Các trường mầm non	15	
V	Huyện Hoài Ân	35	
	Các trường mầm non	35	
VI	Huyện Vân Canh	23	
1	Các trường trung học cơ sở	7	
2	Các trường tiểu học	1	
3	Các trường mầm non	15	
VII	Huyện Vĩnh Thạnh	40	
1	Các trường tiểu học	10	
2	Các trường mầm non	30	
VIII	Huyện An Lão	9	
	Các trường mầm non	9	
IX	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	
	Tổng cộng	310	